



AAC AUDITING AND ACCOUNTING CO., LTD
A member of PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành Phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành Phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0303171300) (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 10/10/2015), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 27/11/2006 với mã chứng khoán là SAP.

Vốn điều lệ: 26.100.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2018: 12.869.840.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 240 Trần Bình Trọng, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84) 028.38353171
- Fax: (84) 028.38352027
- Website: www.sapco.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến thời điểm 31/12/2018 là 47 người. Trong đó, cán bộ khối quản lý là 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------|------------|----------------------------|
| • Ông Hồ Đắc Ngọc | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Ông Trần Nhân Tâm | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 18/09/2015 |
| | | Miễn nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Ông Lê Chí Viện | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/09/2015 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|--------------------------|------------|--|
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/09/2015 |
| • Bà Phạm Thị Hồng Hoa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Vân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Ông Phan Chí Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/09/2015
Miễn nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Ông Nguyễn Việt Hồng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/09/2015
Miễn nhiệm ngày 15/06/2018 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|--|
| • Bà Dương Thị Thanh Lam | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Ông Từ Đức Thắng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 21/09/2015
Miễn nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Bà Bùi Thị Ánh Tuyết | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/09/2015 |
| • Bà Nguyễn Phương Diệp | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/04/2016 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|----------------|--|
| • Ông Lê Chí Việ | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 08/11/2018 |
| • Ông Phan Chí Hùng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/12/2015
Miễn nhiệm ngày 16/06/2018 |
| • Bà Nguyễn Thị Ngọc Cúc | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/11/2018 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc *như*

Lê Chí Viên
Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 124/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25/02/2019, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 17, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ năm ngày 10/10/2015 thì mức vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 26.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm 31/12/2018, vốn góp thực tế của các cổ đông là 12.869.840.000 đồng.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Handwritten signature in blue ink.

Lê Vĩnh Hà – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1216-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.441.681.195	1.265.578.331
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		166.458.998	587.645.192
1. Tiền	111	5	166.458.998	587.645.192
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		735.503.255	197.450.770
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	763.224.413	235.108.740
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.a	15.000.000	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(52.721.158)	(37.657.970)
IV. Hàng tồn kho	140	8	537.980.965	480.482.369
1. Hàng tồn kho	141		537.980.965	480.482.369
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.737.977	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.737.977	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.629.148.018	10.045.791.408
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		202.838.718	202.838.718
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	7.b	202.838.718	202.838.718
II. Tài sản cố định	220		226.577.977	310.281.124
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	226.577.977	310.281.124
- Nguyên giá	222		21.152.537.281	21.152.537.281
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.925.959.304)	(20.842.256.157)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.186.677.683	1.186.677.683
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	1.186.677.683	1.186.677.683
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.013.053.640	8.345.993.883
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.013.053.640	8.345.993.883
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.070.829.213	11.311.369.739

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.227.281.120	3.589.183.355
I. Nợ ngắn hạn	310		1.890.603.437	2.252.505.672
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	269.207.844	336.713.307
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	59.828.428	141.297.341
3. Phải trả người lao động	314		152.236.470	222.385.889
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	275.699.019	341.753.102
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15.a	159.179.186	124.086.967
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.088.051.940	1.199.868.516
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(113.599.450)	(113.599.450)
II. Nợ dài hạn	330		1.336.677.683	1.336.677.683
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	15.b	1.336.677.683	1.336.677.683
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.843.548.093	7.722.186.384
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	7.843.548.093	7.722.186.384
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	12.869.840.000	12.869.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.869.840.000	12.869.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	76.950.378	76.950.378
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	(5.103.242.285)	(5.224.603.994)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	17	(5.224.603.994)	(3.999.536.150)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	17	121.361.709	(1.225.067.844)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.070.829.213	11.311.369.739



Giám đốc

Lê Chí Viện

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	9.323.673.179	8.822.763.589
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		9.323.673.179	8.822.763.589
4. Giá vốn hàng bán	11	20	6.965.414.273	7.271.983.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>2.358.258.906</u>	<u>1.550.780.481</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.156.348	1.670.263
7. Chi phí tài chính	22	22	104.479.853	105.360.037
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		104.479.853	105.360.037
8. Chi phí bán hàng	25	23.a	254.044.860	363.012.127
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.b	2.097.586.373	2.151.581.103
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(96.695.832)</u>	<u>(1.067.502.523)</u>
11. Thu nhập khác	31	24	230.713.795	82.067.748
12. Chi phí khác	32	25	12.656.254	239.633.069
13. Lợi nhuận khác	40		<u>218.057.541</u>	<u>(157.565.321)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>121.361.709</u>	<u>(1.225.067.844)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>121.361.709</u>	<u>(1.225.067.844)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	94	(952)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	94	(952)



Giám đốc

Lê Chí Viện

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	8.821.632.345	9.885.019.571
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(3.399.685.135)	(4.604.989.630)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.324.237.425)	(4.117.924.949)
4. Tiền lãi vay đã trả	04 22;14	(102.725.125)	(108.697.619)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	969.181.648	1.200.625.539
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.274.692.274)	(2.172.622.449)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(310.525.966)	81.410.463
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 21	1.156.348	1.670.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.156.348	1.670.263
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33 16	2.982.579.379	3.699.683.997
2. Tiền trả nợ gốc vay	34 16	(3.094.395.955)	(3.599.851.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(111.816.576)	99.832.302
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(421.186.194)	182.913.028
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	587.645.192	404.732.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5	166.458.998	587.645.192



Lê Chí Viện

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần In sách Giáo khoa TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0303171300) (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 10/10/2015), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 27/11/2006 với mã chứng khoán là SAP.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: in ấn Sách, báo, tạp chí,...

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loai tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (47 năm);
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.7 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn. Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	15.977.939	44.620.697
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	150.481.059	543.024.495
Cộng	166.458.998	587.645.192

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	27.946.798	134.835.602
Công ty cổ phần Sách Dân Tộc	29.040.000	-
Công ty CPĐT & PT Giáo dục Phương Nam	619.249.486	5.242.667
Công ty TNHH SX TM - DV Vạn An	75.315.940	90.315.940
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP.HCM	11.672.189	4.714.531
Cộng	763.224.413	235.108.740

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư	27.946.798	134.835.602
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP.HCM	Chung Công ty đầu tư	11.672.189	4.714.531
Công ty CPĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	619.249.486	5.242.667
Công ty cổ phần Sách Dân Tộc	Chung Công ty đầu tư	29.040.000	-
Cộng		687.908.473	144.792.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	15.000.000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	15.000.000	-	-	-

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu cổ tức 2013 chi vượt	202.838.718	-	202.838.718	-
Cộng	202.838.718	-	202.838.718	-

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 05/2018/NQ-ĐHĐCĐTN2018 ngày 12/04/2018, số cổ tức chi vượt này sẽ được xử lý từ nguồn Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích quỹ và bù trừ lỗ các năm trước.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	428.161.979	-	403.841.110	-
Chi phí SX, KD dở dang	56.179.946	-	62.295.157	-
Thành phẩm	53.639.040	-	14.346.102	-
Cộng	537.980.965	-	480.482.369	-

- Tại 31/12/2018 không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng.
- Tại 31/12/2018 không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	1.707.961.422	19.413.050.859	31.525.000	21.152.537.281
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.707.961.422	19.413.050.859	31.525.000	21.152.537.281
Khấu hao				
Số đầu kỳ	1.438.278.325	19.372.452.832	31.525.000	20.842.256.157
Khấu hao trong kỳ	43.766.124	39.937.023	-	83.703.147
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.482.044.449	19.412.389.855	31.525.000	20.925.959.304
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	269.683.097	40.598.027	-	310.281.124
Số cuối kỳ	225.916.973	661.004	-	226.577.977

- Tại ngày 31/12/2018 TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay có giá trị nguyên giá: 3.333.333.333 đồng và đã hết khấu hao
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 20.329.520.197 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
Nhà máy in Sách giáo khoa tại khu CN Cát Lái	1.186.677.683	1.186.677.683
Cộng	1.186.677.683	1.186.677.683

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công cụ dụng cụ	18.151.642	45.434.974
Chi phí thuê đất tại Cát Lái	7.994.901.998	8.300.558.909
Cộng	8.013.053.640	8.345.993.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP In và Vận tải Sài Gòn	65.277.520	150.690.848
Công ty TNHH Lưu Nguyễn Tâm	26.152.464	-
Công ty TNHH MTV In Ba Đình - XN II	-	40.151.999
CN Công ty TNHH MTV NXB Giao Thông Vận Tải	74.514.000	58.069.000
Công ty TNHH Tex year Việt Nam	41.250.000	41.250.000
Các đối tượng khác	62.013.860	46.551.460
Cộng	269.207.844	336.713.307

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Phải thu nhà nước	Phải nộp ngân sách
Thuế giá trị gia tăng	132.432.631	650.382.664	722.986.867	-	59.828.428
Thuế thu nhập cá nhân	8.864.710	3.622.707	14.225.394	1.737.977	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	553.978.181	553.978.181	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	141.297.341	1.210.983.552	1.294.190.442	1.737.977	59.828.428

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Lãi phải trả về vi phạm hợp đồng	234.960.000	234.960.000
Trích trước tiền khám sức khỏe năm 2017	-	30.000.000
Trích trước lãi vay	6.846.961	5.092.233
Trích trước chi phí vận chuyển	25.000.000	62.808.811
Trích trước lãi phạt chậm nộp tiền thuê đất	8.892.058	8.892.058
Cộng	275.699.019	341.753.102

15. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	22.245.164	11.703.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	2.730.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
Phải trả người lao động về NVL tiết kiệm được	69.244.700	24.902.512
Phải trả khác	62.689.322	79.751.455
Cộng	159.179.186	124.086.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh (*)	1.186.677.683	1.186.677.683
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	150.000.000	150.000.000
Cộng	1.336.677.683	1.336.677.683

(*) Đây là khoản tiền Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (NXB Thành phố) góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh tại Khu công nghiệp Cát Lái theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh và NXB Thành phố. Tuy nhiên dự án này không tiếp tục triển khai, hai bên đã thanh lý hợp đồng. Theo đó, số tiền NXB Thành phố góp vào xây dựng dự án là 1.186.677.683 đồng thống nhất bảo lưu. Công ty có trách nhiệm chuyển nhượng Dự án và hoàn lại cho NXB Thành phố sau khi Dự án được triển khai tiếp tục.

c. Phải trả khác – Bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư	1.186.677.683	1.186.677.683
Cộng		1.186.677.683	1.186.677.683

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Ngân hàng TMCP ĐT&PT - CN Sài Gòn	1.199.868.516	2.982.579.379	3.094.395.955	1.088.051.940
Cộng	1.199.868.516	2.982.579.379	3.094.395.955	1.088.051.940

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số Số 01/2018/573003/HĐTD ngày 29/11/2018. Theo đó, thời gian vay theo từng lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất được quy định theo từng kế ước nhận nợ từng thời điểm. Mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là Máy in Offset 5 màu Komori Lithrone L540, đã hết khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	12.869.840.000	76.950.378	(3.999.536.150)	8.947.254.228
Tăng trong kỳ	-	-	(1.225.067.844)	(1.225.067.844)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	12.869.840.000	76.950.378	(5.224.603.994)	7.722.186.384
Số dư tại 01/01/2018	12.869.840.000	76.950.378	(5.224.603.994)	7.722.186.384
Tăng trong kỳ	-	-	121.361.709	121.361.709
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	12.869.840.000	76.950.378	(5.103.242.285)	7.843.548.093

(*) Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303171300 ngày 10/10/2015 là 26.100.000.000 đồng, vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2018 là 12.869.840.000 đồng.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.151.700.000	4.151.700.000
Vốn góp của các cổ đông khác	8.718.140.000	8.718.140.000
Cộng	12.869.840.000	12.869.840.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu phổ thông	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu phổ thông	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	(5.224.603.994)	(3.999.536.150)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	121.361.709	(1.225.067.844)
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	(5.103.242.285)	(5.224.603.994)

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Vật tư nhận gia công	Đơn vị tính	31/12/2018	01/01/2018
Giấy in các loại	Ram	6.149,89	2.706,55
Thùng Carton	Cái	2.743,00	18.935,00

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu hoạt động in ấn	7.489.725.318	8.228.370.398
Doanh thu khác	1.833.947.861	594.393.191
Cộng	9.323.673.179	8.822.763.589

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn hoạt động in ấn	6.521.195.681	6.921.496.799
Giá vốn khác	444.218.592	350.486.309
Cộng	6.965.414.273	7.271.983.108

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi	1.156.348	1.670.263
Cộng	1.156.348	1.670.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	104.479.853	105.360.037
Cộng	104.479.853	105.360.037

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Cước vận chuyển	248.954.860	242.312.127
Phí môi giới		120.000.000
Các khoản khác	5.090.000	700.000
Cộng	254.044.860	363.012.127

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	15.063.188	37.657.970
Chi phí nhân viên quản lý	1.393.164.850	1.445.359.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.135.580	35.135.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.848.393	148.858.590
Các khoản khác	488.374.362	484.569.148
Cộng	2.097.586.373	2.151.581.103

24. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập từ tiết kiệm nguyên vật liệu nhận gia công	228.187.430	81.551.750
Thu nhập khác	2.526.365	515.998
Cộng	230.713.795	82.067.748

25. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí thuê đất tại Cát Lái	-	229.242.683
Phạt hành chính	11.054.544	-
Các khoản khác	1.601.710	10.390.386
Cộng	12.656.254	239.633.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	121.361.709	(1.225.067.844)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(121.361.709)	479.275.324
- Điều chỉnh tăng- Chi phí không được trừ	452.902.594	479.275.324
- Điều chỉnh giảm (Chuyển lỗ)	574.264.303	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	(745.792.520)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

27. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	121.361.709	(1.225.067.844)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	121.361.709	(1.225.067.844)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.286.984	1.286.984
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	94	(952)

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.077.157.467	1.676.768.934
Chi phí nhân công	4.804.108.999	4.844.945.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	83.703.147	89.202.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.661.622.237	1.467.504.928
Chi phí khác bằng tiền	1.572.556.514	1.311.129.106
Cộng	9.199.148.364	9.389.551.082

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là dịch vụ in ấn và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

30. Cam kết khác

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa Công ty (Bên A) với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh (NXBGD tại Tp.HCM (Bên B)), hai bên hợp tác góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa Tp. Hồ Chí Minh tại Lô số B1, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái Cụm II – Giai đoạn 2.

Theo đó, Công ty sẽ góp vốn bằng toàn bộ khu đất diện tích 10.000 m² tại KCN Cát Lái và NXBGD tại Tp.HCM góp vốn bằng toàn bộ chi phí xây dựng trên diện tích đất nêu trên. Kết quả kinh doanh được phân chia trên cơ sở kết quả lợi nhuận hoặc lỗ và rủi ro theo tỷ lệ 60% cho Công ty và 40% cho NXBGD tại Tp.HCM. Thời gian tính phân chia kết quả kinh doanh là 20 năm kể từ khi công trình được đưa vào khai thác sử dụng.

Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa nêu trên đã chậm trễ và kéo dài trong nhiều năm qua do sự cố ngoài ý muốn.

Do việc triển khai dự án này quá chậm nên hai bên tham gia liên doanh thống nhất thanh lý trước hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 với các nội dung chính như sau:

- Chi phí đầu tư xây dựng là 1.186.677.683 đồng thuộc về trách nhiệm của NXBGD tại Tp.HCM theo cam kết ban đầu (trong đó chi phí xây dựng tường rào của dự án là 1.063.949.681 đồng, chi phí thiết kế là 122.728.002 đồng). Tính đến thời điểm 31/12/2013, NXBGD tại Tp.HCM đã chuyển cho Công ty số tiền là 1.186.677.683 đồng.
- Số tiền NXBGD tại Tp.HCM đã đầu tư vào dự án là 1.186.677.683 đồng được thống nhất bảo lưu; “Bên A có trách nhiệm chuyển nhượng lại Dự án và hoàn lại cho Bên B sau khi Dự án được triển khai tiếp tục”.

Hiện nay, Công ty đang tạm dừng thực hiện dự án xây dựng công trình Nhà máy in sách giáo khoa do chưa có kinh phí. Công ty đang làm việc với Ban Quản lý Khu công nghiệp để thống nhất được đơn giá cũng như diện tích đất thuê tại Khu công nghiệp Cát Lái. Theo kế hoạch đề ra, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện dự án ngay khi thống nhất ký kết đơn giá thuê đất mới với Ban Quản lý Khu chế xuất – KCN Thành phố Hồ Chí Minh và có đủ nguồn kinh phí.

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa, nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	269.207.844	-	269.207.844
Chi phí phải trả	275.699.019	-	275.699.019
Vay và nợ thuê tài chính	1.088.051.940	-	1.088.051.940
Phải trả khác	136.934.022	1.336.677.683	1.473.611.705
Cộng	1.769.892.825	1.336.677.683	3.106.570.508
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	336.713.307	-	336.713.307
Chi phí phải trả	341.753.102	-	341.753.102
Vay và nợ thuê tài chính	1.199.868.516	-	1.199.868.516
Phải trả khác	109.653.967	1.336.677.683	1.446.331.650
Cộng	1.987.988.892	1.336.677.683	3.324.666.575

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hiện đang rủi ro thanh khoản nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.458.998	-	166.458.998
Phải thu khách hàng	710.503.255	-	710.503.255
Phải thu khác	-	202.838.718	202.838.718
Cộng	876.962.253	202.838.718	1.079.800.971

01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	587.645.192	-	587.645.192
Phải thu khách hàng	197.450.770	-	197.450.770
Phải thu khác	-	202.838.718	202.838.718
Cộng	785.095.962	202.838.718	987.934.680

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty cổ phần Sách Dân Tộc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT GD Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP.HCM	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Năm 2018	Năm 2017	
Bán hàng			
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ in ấn	4.416.174.392	3.966.629.369
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Dịch vụ in ấn	316.427.000	966.255.465
Công ty CP ĐT & PT GD Phương Nam	Dịch vụ in ấn	2.062.800.940	2.137.790.120
	Ghi kèm CTP	-	3.520.000
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Dịch vụ in ấn	578.087.641	956.013.145
	Ghi kèm CTP	-	13.745.454
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP.HCM	Dịch vụ in ấn	83.338.353	167.922.299
Nội dung	Năm 2018	Năm 2017	
Thu nhập của Ban Giám đốc	432.000.000	426.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc

Lê Chí Viện

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Cúc



Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 4, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-28) 3910 2235
Fax: +(84-28) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.vnn.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà Việt Á
Số 09 Duy Tân, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +(84-24) 3224 2403
Fax: +(84-24) 3224 2402
Email: aac.hn@aac.com.vn

Văn phòng Hà Nội

Phòng 1401, HACINCO
B3.7 Hoàng Đạo Thúy,
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +(84-24) 6285 4661
Fax: +(84-24) 6285 4696
Email: aac.hanoi@aac.com.vn

Thành viên

 **PrimeGlobal**